

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2019/HS-ST
Ngày 08 - 11 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Hiền;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Văn Duy

Ông Nguyễn Khắc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 tháng 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2019/TLST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Quốc T, sinh năm 1998 tại T2, P, Hưng Yên; nơi cư trú: Thôn T1, xã T2, huyện P, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ch và bà Phạm Thị Ng; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại “có mặt”.

Bị hại: Ông Hà Duy S, sinh năm 1968; trú tại: Thôn Tr, xã T3, huyện P, Hưng Yên “vắng mặt”.

Người có quyền lợi liên quan vụ án:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1950; trú tại: Thôn Đ, xã Đ1, huyện P, tỉnh Hưng Yên “vắng mặt”.

2. Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1971 (bố bị cáo T); trú tại: Thôn T1, xã T2, huyện P, tỉnh Hưng Yên “vắng mặt”.

3. Anh Bùi Văn M, sinh năm 1981; trú tại: Thôn K, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên “vắng mặt”.

Người làm chứng: Cháu Bùi Thị Th, sinh ngày 14/11/2003; trú tại: Thôn K, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 24/7/2019, Nguyễn Quốc T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX biển kiểm soát 89B1-728.39 chở Bùi Thị Th, sinh ngày 14/11/2003 ở thôn K, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên đi đến khu vực xã T3, huyện P chơi. Khi đi đến địa phận thôn Tr, xã T3, huyện P thì T và Th nhìn thấy ở lề đường có hai con bò (một con bò to, một con bò bé) buộc ở gốc cây xoan của gia đình ông Hà Duy S ở thôn Tr, xã T3, huyện P. T nảy sinh ý định trộm cắp bò và bảo với Th: “Vợ chồng mình dắt bò đi”, Th hiểu ý T là trộm cắp bò, Th đồng ý. T dừng xe quay lại vị trí gần hai con bò và bảo với Th: “Vợ vào dắt bò đi”, Th đồng ý và bảo: “Để vợ vào dắt cho”, còn T đứng cạnh giới, trông xe. Th đi đến chỗ hai con bò thấy 01 con bò to buộc dây vào cọc cắm ở gốc cây xoan, con bò bé thì buộc vào cây xoan. Th liền cởi dây con bò to buộc ở cọc ra nhưng do dây buộc chặt không cởi được nên Th đã nhổ cả cọc buộc bò rồi cầm cả cọc dắt con bò to đi đến chỗ T đứng. Sau đó Th và T thay nhau dắt bò về trang trại nhà T ở thôn T1, xã T2, huyện P cất giấu. Sáng ngày 25/7/2019 T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 89B1-728.39 chở theo Th đi tìm người mua bò và bán được con bò cho ông Nguyễn Văn H ở thôn Đ, xã Đ1, huyện P, tỉnh Hưng Yên được số tiền 16.900.000 đồng, số tiền này T và Th đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện P kết luận: 01 con bò cái, lông màu vàng, cặp sừng cong quắp hướng xuống dưới, trọng lượng 250kg trị giá là 13.750.000 đồng.

Do Bùi Thị Th cùng thực hiện hành vi trộm cắp con bò với T, nhưng do Th chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 Bộ luật Hình sự. Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vi phạm hành chính bằng hình thức Cảnh cáo đối với Bùi Thị Th.

Ông Nguyễn Văn H khi mua con bò do T bán, ông H không biết đó là tài sản do T và Th trộm cắp mà có, cơ quan điều tra không xử lý đối với ông H và ông H cũng đã nhận lại đủ số tiền bỏ ra mua con bò là 16.900.000 đồng do gia đình bị cáo T bồi thường, nên không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

01 con bò lông vàng, trọng lượng 250kg là tài sản hợp pháp của ông Hà Duy S, cơ quan điều tra đã trả cho ông S nhận lại con bò và ông S không yêu cầu giải quyết phân trách nhiệm dân sự.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX biển kiểm soát 89B1-728.39 là tài sản hợp pháp của anh Bùi Văn M (bố đẻ Bùi Thị Th); anh M không biết Th mượn xe cùng T đi thực hiện trộm cắp tài sản nên cơ quan điều tra đã trả lại cho anh M chiếc xe này. Anh M đã nhận đủ tài sản không có yêu cầu đề nghị gì.

Ông Nguyễn Văn Ch là bố đẻ bị cáo T đã tự nguyện bỏ ra số tiền 16.900.000 đồng để trả lại ông H thay cho T, ông Ch không yêu cầu T phải hoàn trả ông số tiền này.

Tại bản Cáo trạng số: 28/CT-VKSPC ngày 22 tháng 10 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên truy tố Nguyễn Quốc T về Tội trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố hành vi phạm tội của bị cáo T theo nội dung bản cáo trạng; đồng thời đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và phải chịu thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Bị cáo không có tài sản, sống phụ thuộc gia đình nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng phạt tiền; trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp cơ quan điều tra đã xử lý nên không phải giải quyết. Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Quốc T nhận tội, khai diễn biến hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo đúng như hành vi của bị cáo đã bị Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố trong cáo trạng. Nay bị cáo T đã nhận rõ sai phạm, rất ân hận về việc làm của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, phạt bị cáo mức án thấp nhất và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để vừa cải tạo vừa có điều kiện giúp đỡ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện và tài liệu chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của Nguyễn Quốc T tại phiên tòa phù hợp khách quan với lời khai của bị cáo trước cơ quan điều tra; phù hợp đơn trình báo và lời khai của bị hại ông Hà Duy S (bl 17, 109 - 114), các người có quyền lợi liên quan vụ án là: Các ông Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Ch, anh Nguyễn Văn M; lời khai người làm chứng cháu Bùi Thị Th; biên bản thu giữ và giao nhận tài sản (con bò); sơ đồ hiện trường; vật chứng thu giữ và kết luận định giá tài sản, cùng

các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 11 giờ ngày 24/7/2019 tại địa phận thôn Tr, xã T3, huyện P, tỉnh Hưng Yên, Nguyễn Quốc T lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản đã lén lút chiếm đoạt của ông Hà Duy S 01 con bò màu vàng, cặp sừng cong quắp hướng xuống dưới, trọng lượng 250kg trị giá 13.750.000 đồng và T đã bán con bò này cho ông Nguyễn Văn H ở thôn Đ, xã Đ1, huyện P, tỉnh Hưng Yên được số tiền 16.900.000 đồng chi tiêu cá nhân hết.

Xét bị cáo Nguyễn Quốc T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo lợi dụng thời điểm buổi trưa ít người qua lại và sơ hở của chủ sở hữu tài sản cộc giữ bò gần đường đi lại nhưng không trông coi cẩn thận đã làm bị cáo nổi lòng tham chiếm đoạt của ông Hà Duy S 01 con bò trị giá 13.750.000 đồng như phân tích, đã có đủ dấu hiệu cấu thành Tội trộm cắp tài sản. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Nguyễn Quốc T về Tội trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Quốc T là nguy hiểm cho xã hội, đã phạm vào tội ít nghiêm trọng trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn gây mất trật tự trị an xã hội và gây tâm lý hoang mang của người dân địa phương trong việc quản lý tài sản của mình. Vì vậy, cần áp dụng cho bị cáo một mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra để cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và làm bài học răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xét: Bản thân bị cáo T có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đều khai báo thành khẩn, có thái độ ăn năn hối cải về sai phạm của bản thân; bị cáo được gia đình bồi thường thay cho ông H số tiền 16.900.000 đồng ông H đã đưa cho bị cáo, nên bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Bị cáo chưa có gia đình riêng, sống còn phụ thuộc gia đình nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo. Trong khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo có hành vi rủ và bảo Bùi Thị Th, sinh ngày 14/11/2003 là bạn gái đi cùng vào dắt bò mang về nhà cất giấu, tuy nhiên tại thời điểm này thì cháu Th chưa đủ 16 tuổi nên không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi này. Do đó, bị cáo T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Xúi giục người chưa thành niên phạm tội”, theo điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo T trộm cắp tài sản giá trị 13.750.000 đồng tội phạm đã hoàn thành, thiệt hại đã xảy ra; việc bị hại nhận lại được tài sản, người mua bò cũng nhận lại được tiền do gia đình bị cáo bồi thường thay là do cơ quan điều tra thu hồi lại tài sản trả cho bị hại và tác

động để bố bị cáo bồi thường thay. Vì vậy, bị cáo T không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “chưa gây thiệt hại, hoặc gây thiệt hại không lớn” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Xét bị cáo Nguyễn Quốc Trường có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, chịu sự giám sát, giáo dục của gia đình, chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có hữu ích cho gia đình, xã hội và thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Hà Duy S đã nhận lại tài sản bị mất là con bò màu vàng; ông Nguyễn Văn H là người mua con bò của bị cáo T đã nhận lại đầy đủ số tiền mua bò do bố bị cáo bồi thường thay. Do đó, các ông S và H không yêu cầu giải quyết về phần trách nhiệm dân sự, nên bản án không phải xem xét giải quyết.

[6]. Biện pháp tư pháp: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX biển kiểm soát 89B1-728.39 là tài sản hợp pháp của anh Bùi Văn M (bố đẻ của Bùi Thị Th), anh M không biết Th mượn xe cùng T đi trộm cắp tài sản nên Công an huyện P đã trả xe cho chủ sở hữu là đúng pháp luật.

[7]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Quốc T là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Quốc T phạm Tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 08/11/2019.

Giao Nguyễn Quốc T cho Ủy ban nhân dân xã T2, huyện P, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án

có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Án phí: Bị cáo Nguyễn Quốc T phải chịu 200.000đ, (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bản án sơ thẩm xét xử công khai có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại và người có quyền lợi liên quan vụ án; đã báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; báo cho bị hại và các người có quyền lợi liên quan vụ án biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên(P KTNV&THA);
- VKSND tỉnh Hưng Yên;;
- VKSND huyện P;
- Công an huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Bị cáo T;
- Bị hại: Ông S;
- Người có QLLQ vụ án;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP..

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Trần Đình Hiền